

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-11-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số G, ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* bà Vũ Thị Tường V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số G, ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông P và bà V vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng P trình bày:

Ông và bà Vũ Thị Tường V kết hôn vào năm 2008. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/3/2008, hôn nhân do tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2016, ông bà phát sinh mâu thuẫn do có nhiều quan điểm bất hòa, trái ngược nhau, không chia sẻ nhau nên ông bà không chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Ông và bà V có 02 người con chung là Nguyễn Vũ Tuấn A, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Vũ Phương A1, sinh ngày 07/12/2015, hiện do ông bà đang

cùng nuôi dưỡng. Ông giao 02 người con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi người con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho đến khi mỗi người con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Ông và bà V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông đi làm ở xa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Vũ Thị Tường V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 13/3/2008. Trước khi kết hôn ông bà có thời gian tìm hiểu nhau khoảng hơn 01 năm. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông bà không chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay với yêu cầu xin ly hôn của ông P, bà đồng ý.

Bà và ông P có 02 người con chung là Nguyễn Vũ Tuấn A, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Vũ Phương A1, sinh ngày 07/12/2015, hiện đang sống với bà, được bà chăm sóc nuôi dạy tốt. Bà yêu cầu được nuôi 02 người con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông P trình bày là sẽ cấp dưỡng cho mỗi người con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)

Bà và ông P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và do bà bận công việc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn ông P thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà V chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P:

- Về hôn nhân: ông Nguyễn Hồng P được ly hôn với bà Vũ Thị Tường V.
- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Vũ Tuấn A, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Vũ Phương A1, sinh ngày 07/12/2015 cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Buộc

ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) mỗi tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Vũ Thị Tường V. Bà V cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông P và bà V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 3 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông P và bà V thì trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông bà không chung sống với nhau từ tháng năm 2016 cho đến nay.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Tình nghĩa vợ chồng”:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Xét thấy, từ năm 2016 cho đến nay ông P và bà V không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung. Do ông bà không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay nên ông bà không có tình nghĩa vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bà V đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông P. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P để giải quyết cho ông P được ly hôn với bà V.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông P và bà V thì ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Vũ Tuấn A, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Vũ Phương A1, sinh ngày 07/12/2015. Ông P giao 02 người con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Xét thấy, giữa ông P và bà V đều thống nhất ý kiến bà V là người trực tiếp nuôi 02 người con chung. Bên cạnh đó Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên đối với cháu Tuấn A và cháu Phương A1 thì các cháu có nguyện vọng được sống với bà V. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử giao cháu Tuấn A và cháu Phương A1 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” và tại khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này...”. Do đó, bà V có quyền yêu cầu ông P cấp dưỡng cho cháu Tuấn A và cháu Phương A1.

Theo ông Phúc trình B ông tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi người con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho đến khi mỗi người con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Bà V cũng đồng ý với lời trình bày này của ông P. Xét thấy, việc tự nguyện cấp dưỡng cho con nêu trên của ông P không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông P và bà V cùng trình bày ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ông P đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông P còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hồng P được ly hôn với bà Vũ Thị Tường V.

1.2. Về con chung: ông Nguyễn Hồng P và bà Vũ Thị Tường V có 02 người con chung là Nguyễn Vũ Tuấn A, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Vũ Phương A1, sinh ngày 07/12/2015.

Giao cháu Nguyễn Vũ Tuấn A, sinh ngày 27/02/2009 và Nguyễn Vũ Phương A1, sinh ngày 07/12/2015 cho bà Vũ Thị Tường V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Vũ Tuấn A và cháu Nguyễn Vũ Phương A1 với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ông Nguyễn Hồng P và bà Vũ Thị Tường V cùng trình bày ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Hồng P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001792 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Hồng P còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyên